

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2018 - 2019

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	413020	Tô Vũ Nhật	Minh	4130	15		8.77		93	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	412932	Nguyễn Nữ Hồng	Dương	4129	15		8.73		92	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	412922	Hà Lê Thành	Trung	4129	15		8.67		89	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	413103	Lê Hà An	Ngọc	4131	18		8.54		93	6 500 000		6 500 000	Loại 2
5	413031	Vũ Thanh	Huyền	4130	15		8.44		90	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	412913	Dương Kiều	Trinh	4129	21		8.36		89	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	413217	Trần Trung	Hiếu	4132	15		8.30		80	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	413105	Lê Thị	Ngân	4131	15		8.29		90	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	413222	Hoàng Bá	Hiệp	4132	15		8.29		84	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	413219	Đặng Thanh	Xuân	4132	15		8.27		76	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	413214	Phạm Thùy	Dương	4132	15		8.19		83	3 500 000		3 500 000	Loại 3
12	413115	Vũ Hoàng	Anh	4131	15		8.16		93	3 500 000		3 500 000	Loại 3
13	413102	Vũ Thị	Thúy	4131	15		8.13		93	3 500 000		3 500 000	Loại 3
14	413221	Nguyễn Thị Thu	Phương	4132	15		8.11		70	3 500 000		3 500 000	Loại 3
15	413017	Nguyễn Diệu	Anh	4130	15		8.10		86	3 500 000		3 500 000	Loại 3
16	413125	Nguyễn Phương	Thảo	4131	15		8.10		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
17	412919	Đỗ Thị Bạch	Dương	4129	15		8.07		80	3 500 000		3 500 000	Loại 3
18	413225	Bùi Phi	Long	4132	15		8.06		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	413127	Hồ Mai	Chi	4131	15		8.04		92	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	413216	Đỗ Tiến	Đạt	4132	15		8.04		85	3 500 000		3 500 000	Loại 3

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2018 - 2019

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	413119	Nguyễn Thị Thu	Huyền	4131	15		8.01		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	412911	Võ Diệp Minh	Trang	4129	18		7.99		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	412905	Trần Xuân	Trung	4129	15		7.93		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	412916	Lê Hương	Giang	4129	15		7.92		92	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								123 000 000		123 000 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG